

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Bản án số: 127/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2017
V/v: Ly hôn**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lệ
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Tiến Thành
Bà Nguyễn Thị Mộng Lành
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trương Đình Bảo Ngọc
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Hạnh - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 486/2017/TLST-HNGĐ ngày 9 tháng 5 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2017/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Hiền T, sinh năm 1983
Trú tại: Thôn L, thôn D, huyện DK, tỉnh K. Có mặt

* *Bị đơn:* Ông Lê Nhật U, sinh năm 1982
HKTT: 115/21 đường P, phường P, thành phố N.
Trú tại: KTT Công ty quản lý đường bộ Bến xe phía Bắc - Tổ 1 H, phường V, thành phố N. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Hiền T trình bày:*

Bà và ông Lê Nhật U tự nguyện kết hôn năm 2009, năm 2012 thì đăng ký kết hôn tại UBND phường P. Trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông U luôn ép buộc bà phải làm theo ý của ông U. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông U thường đánh đập, xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của bà và đuổi bà ra khỏi nhà. Do chịu đựng không được, bà đã sống ly thân với ông U từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy không còn tình cảm với ông U nên bà yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Bà và ông U có một con chung là Lê Hoàng Y, sinh ngày 13/5/2013. Bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lê Nhật U trình bày:*

Ông và bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa tới mức phải ly hôn. Bản thân ông vẫn còn thương yêu vợ con nên bà T xin ly hôn, ông không đồng ý.

Trong trường hợp Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà T, ông đồng ý giao con chung là Lê Hoàng Y, sinh ngày 13/5/2013 cho bà T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông thống nhất với ý kiến của bà T về tài sản chung, nợ chung, không có tranh chấp gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Ông Lê Nhật U và bà Trần Thị Hiền T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố N cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/12/2012. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trần Thị Hiền T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông Lê Nhật U với lý do quá trình chung sống vợ chồng xảy ra quá nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, bản thân bà không còn tình cảm gì với ông U. Ông Lê Nhật U trình bày, giữa ông và bà T có xảy ra mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, chưa tới mức phải ly hôn. Bản thân ông vẫn còn thương yêu vợ con nên ông không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang kết luận, có đủ cơ sở để tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét: Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, tạo điều kiện về mặt thời gian cho các bên suy nghĩ lại, tự thương lượng, hòa giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, cho đến thời điểm này, mặc dù bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và không có ý định hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông U đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà T xin ly hôn ông U là chính đáng, có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về con chung: Ông U và bà T đều xác định, ông bà có một con chung là Lê Hoàng Y, sinh ngày 13/5/2013. Bà T yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con. Ông U trình bày, trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin

ly hôn của bà T, ông đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Như vậy, nguyên đơn và bị đơn có ý kiến thống nhất về việc nuôi con chung trong trường hợp các bên ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Xét việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng của ông U sẽ đảm bảo tốt hơn quyền lợi cho cháu Lê Hoàng Y và hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3]. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] . Về án phí: Bà Trần Thị Hiền T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Lê Nhật U phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

**** Tuyên xử:***

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bà Trần Thị Hiền T được ly hôn ông Lê Nhật U.

- Về con chung: Bà Trần Thị Hiền T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Lê Hoàng Y, sinh ngày 13/5/2013.

Ông Lê Nhật U cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

Ông U được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

- Về án phí: Bà Trần Thị Hiền T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0006668 ngày 9/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Ông Lê Nhật U phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định chung: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**

* Nơi nhận:

- VKSND TP. N
- Chi cục thi hành án dân sự TP N;
- UBND phường P
- Các đương sự;
- Lưu

Nguyễn Thị Lệ